

DỰ BÁO NGUỒN NHÂN LỰC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC TÂY BẮC VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

• ThS. TRƯƠNG XUÂN CỬ

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Điện Biên

1. Dự báo nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số Việt Nam

Theo các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách dự báo thì nhu cầu đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số (DTTS) đến 2020 như sau:

vực năm 2007 là 1,9%; dự báo năm 2010 là 1,7%; năm 2015 là 1,5%; năm 2020 là 1,35%;

- Căn cứ vào thực trạng lao động qua đào tạo năm 2008 là 18% (0, 431 triệu) và phấn đấu đạt 42% lao động qua đào tạo vào năm 2020

Bảng 1. Nhu cầu học sinh trung học chuyên nghiệp DTTS tính đến năm 2020

Năm	Học sinh tuyển mới (người)	Học sinh người DTTS (người)	Tỉ lệ học sinh DTTS so với người Kinh (%)
1999	59.486	4.674	7,85%
2005	68.778	5.774	5,39%
2010	77.227	6.995	9,05%
2015	80.120	8.121	10,13%
2020	92.220	10.720	11,62%

Bảng 2. Nhu cầu số lượng sinh viên đại học và cao đẳng là người dân tộc thiểu số tính đến năm 2020

Năm	Dân số cả nước (người)	Tỷ lệ phát triển dân số DSTS (%)	Dân số DTTS (triệu người)	Tổng số sinh viên cả nước (người)	Tỷ lệ sinh viên DTTS (%)
4/1999	76.324.753	3,12%	9,3	798.857	2,34
2005	83.193.980	2,8	10,6	1.164.715	3,64
2010	88.601.558	2,55	13,5	1.772.031	4,77
2015	93.917.683	2,15	14,9	2.347.942	5,98
2020	98.613.567	1,85	16,2	2.958.407	7,18

Dự báo trên cho thấy nhu cầu đào tạo cán bộ DTTS là rất lớn.

2. Dự báo nguồn nhân lực người DTTS khu vực Tây Bắc

Các căn cứ để dự báo nhu cầu nhân lực khu vực Tây Bắc

- Căn cứ vào tỉ lệ tăng dân số của khu vực. Theo Tổng cục dân số, tỉ lệ tăng dân số của khu

(1,297 triệu);

- Căn cứ vào cơ cấu lao động qua đào tạo năm 2008 (1; 1,8; 1,2) và mục tiêu phấn đấu đến năm 2015 là (1; 2,0; 2,0) và năm 2020 (1; 2; 3,0);

- Căn cứ vào lao động DTTS trong dân số lao động toàn khu vực trong năm 2008 là 60%, dự báo năm 2015 là 62%; năm 2020 là 65% (tỉ lệ người DTTS chiếm 74% trong dân số toàn khu

vực, hiện nay tỉ lệ lao động DTTS chỉ chiếm 60%, dự báo vào năm 2015 chiếm 62%, đến năm 2020 chiếm 65%, do dân số người DTTS tăng cao hơn người Kinh);

- Căn cứ vào tỉ lệ lao động qua đào tạo người DTTS và người Kinh năm 2008 là 36%, mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 là 39%, năm 2015 là 44%, năm 2020 là 49%.

Phương pháp dự báo:

Dùng hàm ngoại suy tuyến tính $y = af(x) + b$

- Tính dân số lao động trong độ tuổi: $f(x) = af(x-1) + f(x-1)$ ($f(x)$ là dân số lao động trong độ

tuổi năm thứ x , a là tỉ lệ tăng dân số năm thứ x).

- Dân số lao động trong độ tuổi là người DTTS: $y = bf(x)$ (b là tỉ lệ % DTTS trong dân số lao động).

- Lao động dân tộc thiểu số cần đào tạo mới qua các giai đoạn:

$y = b'f(x) - c' - bf''(x) - c''$ (c' là tỉ lệ lao động DTTS qua đào tạo sau 5 năm, c'' là tỉ lệ lao động DTTS qua đào tạo thời điểm hiện tại);

- Số lao động cả khu vực cần đào tạo mới là: $y = f(x)d$ (d là tỉ lệ lao động qua đào tạo của các giai đoạn);

Bảng 3. Dự báo nguồn nhân lực là dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc giai đoạn 2007 - 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị khoảng	2007	2010	2015	2020	Ghi chú
1	Dân số lao động trong độ tuổi	Triệu người	2,397	2,536	2,813	3,088	
2	Dân số lao động trong độ tuổi là DTTS	Triệu người	1,438	1,521	1,744	2,007	
3	Tỉ lệ DTTS trong dân số lao động	%	60	60	62	65	
4	Số lao động qua đào tạo là DTTS.	Triệu người	0,150	0,250	0,422	0,641	
5	Tỉ lệ lao động qua đào tạo của lao động DTTS	%	10	16	24	32	
6	Lao động DTTS cần đào tạo mới.	Triệu người	0,033	0,103	0,172	0,218	

(Nguồn thống kê các tỉnh Tây Bắc và dự báo của tác giả)

Bảng 4. Dự báo nguồn nhân lực là DTTS khu vực Tây Bắc giai đoạn 2010 - 2020

Chỉ tiêu	2007	2010	2015	2020
Đào tạo nghề (ngàn người)	36	79	160	321
Tỉ lệ người DTTS so với người Kinh	30%	35%	42%	50%
Đào tạo trung cấp (ngàn người).	97	137	202	235
Tỉ lệ người DTTS so với người Kinh	50%	51%	53%	55%
Đào tạo đại học, cao đẳng	21	38	61	86
Tỉ lệ người DTTS so với người Kinh	20%	25%	32%	40%
Tổng số lao động người DTTS qua đào tạo	154	254	424	640
Tỉ lệ người DTTS so với người Kinh	36%	39%	44%	49%
Số lao động DTTS cần đào tạo mới	33	100	170	216

- Số lao động dân tộc thiểu số đào tạo nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học là $y = f(x)dh$ (h là tỉ lệ DTTS so với người Kinh) hay tính bằng cách khác: $y = bf(x)ck$ (k là cơ cấu trình độ đào tạo của lao động dân tộc thiểu số). Cơ cấu đó là: năm 2007: 1; 5; 2; năm 2010: 1; 4; 2; năm 2015: 1; 3,3; 2,5; năm 2020: 1; 2,7; 3,7;

Nhu cầu đào tạo nhân lực DTTS khu vực Tây Bắc. Như vậy, dự báo đến năm 2020 số lao động là người DTTS :

- Đào tạo mới là 486 ngàn người. Trong đó dạy nghề: 284 ngàn người; trung cấp: 138 ngàn người; cao đẳng, đại học trở lên: 64 ngàn người.

- Cơ cấu trình độ đào tạo người DTTS theo thứ tự đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề là: (1; 2,7; 3,7).

3. Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực

3.1. Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú (PTDNT, BT) tạo nguồn đào tạo nhân lực

Hơn 50 năm qua hệ thống trường PTDNT đã hoàn thành sứ mạng vẻ vang của mình là đào tạo cán bộ DTTS tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, hệ thống trường PTDNT đã phủ khắp các vùng núi, vùng DTTS, góp phần quan trọng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các địa phương. Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu tạo nguồn đào tạo nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH cần tiếp tục phát triển hệ thống trường PTDNT sao cho hợp lí về cơ cấu, nâng quy mô và nâng cấp trình độ đào tạo, nhằm tạo ra một lực lượng học sinh DTTS có trình độ học vấn tốt nghiệp THPT để đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, nghề, cao đẳng, đại học.

3.2. Phát triển hệ thống đào tạo nghề

Tạo sự chuyển biến cơ bản về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực bằng cách vừa khẩn trương đào tạo tại chỗ vừa điều chuyển có tổ chức một bộ phận lao động vùng đồng bằng

Bắc bộ lên công tác và lao động ở những ngành, những lĩnh vực có nhu cầu, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới. Đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học vùng theo hướng đa ngành. củng cố và mở thêm các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề; đổi mới cơ cấu đào tạo theo ngành nghề và trình độ nhằm đáp ứng sát nhu cầu cán bộ của các địa phương trong vùng. Phấn đấu nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo lên 25 - 30% vào năm 2010 và 35 - 40% vào năm 2020.

Hình thành mạng lưới trường trung cấp nghề: Để đảm bảo thực hiện chính sách dạy nghề cho học sinh người DTTS sau khi tốt nghiệp THCS và THPT vùng cần đầu tư thành lập một số trường dạy nghề DTTS nội trú và chuyển đổi các trường dạy nghề lên trường trung cấp nghề, cơ cấu lại ngành nghề của môi trường cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng đến năm 2010 - 2015 và 2020.

Các địa phương cần chủ động cụ thể hoá được chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của tỉnh vào lĩnh vực dạy nghề, tính toán nhu cầu lao động chuyên môn, kĩ thuật, rà soát lại năng lực của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn, xác định nhu cầu ngân sách và nguồn lực để thực hiện.

Hình thành mạng lưới cao đẳng và trung tâm dạy nghề:

Nâng cấp một số trường trung cấp dạy nghề, trung học chuyên nghiệp lên trường cao đẳng dạy nghề. Hình thành mạng lưới trung tâm dạy nghề cấp huyện theo hướng từng huyện hoặc liên huyện.

Thực hiện xã hội hoá dạy nghề:

Thông qua các chính sách ưu đãi, khuyến khích mạnh về đất đai, hỗ trợ hạ tầng... để huy động các thành phần kinh tế đầu tư cho dạy nghề, đa dạng hoá nguồn lực dạy nghề, phát triển nhanh cơ sở dạy nghề ngoài công lập ở các

địa bàn có điều kiện, xây dựng thêm trường dạy nghề và trung tâm dạy nghề cấp huyện phù hợp với quy mô đầu tư của địa phương. Tăng cường liên kết đào tạo với các cơ sở doanh nghiệp TW đóng trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho dạy nghề đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, đồng thời phát huy vai trò chủ đạo của Nhà nước trong phát triển dạy nghề.

Có cơ chế hỗ trợ từ ngân sách TW để đầu tư xây dựng các trường dạy nghề, các trung tâm dạy nghề thuộc các tỉnh khó khăn trong vùng nhằm khắc phục tình trạng trống trường nghề ở khu vực, đầu tư nâng cấp một số cơ sở dạy nghề có điều kiện thực hiện dạy nghề nội trú, xây dựng, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo nghề phù hợp với đặc điểm văn hoá, phong tục, tập quán của dân tộc và nhu cầu thực tế của địa phương.

Đảm bảo sự liên thông giữa các trình độ dạy nghề và liên thông với các trình độ khác trong giáo dục quốc dân. Chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề để đến năm 2010 đạt tỉ lệ 15 học sinh /1 giáo viên dạy nghề. Tạo điều kiện cho người học lựa chọn nghề phù hợp với điều kiện cụ thể của mình và học tập nâng cao trình độ nghề trong suốt quá trình lao động. Khuyến khích phân luồng vào học nghề của học sinh sau khi tốt nghiệp THCS là 20%, THPT là 30%.

Nhân lực qua đào tạo nâng lên 25% vào năm 2010; 34% vào năm 2015 và 42% vào năm 2020.

Nâng quy mô và mở rộng thêm các cơ sở dạy nghề đảm bảo từ 137 ngàn năm 2007 tăng 1, 5 lần vào năm 2010; 2 lần vào năm 2015 và 5 lần vào năm 2020.

Tăng cường đào tạo trình độ trung cấp đảm bảo từ 198 ngàn người có trình độ trung cấp năm 2007 tăng lên 1, 4 lần năm 2010; 2 lần năm 2015; và 3, 3 lần năm 2020.

3.3. Tăng cường đào tạo cao đẳng, đại học

Nâng cao chất lượng các trường PTDTNT và thành lập hệ dự bị đại học ở trường PTDTNT tỉnh, nâng cấp tất cả các trường PTDTNT huyện lên bậc THPT nhằm tạo nguồn thi tuyển và cử tuyển vào đại học, cao đẳng. Có chính sách đào tạo và bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ DTTS.

Đào tạo đại học và cao đẳng từ 100 ngàn người có trình độ đại học, cao đẳng năm 2007 nâng lên 1,3 lần năm 2010; 1,8 lần năm 2015 và 2,2 lần vào năm 2020.

Quan tâm đào tạo đội ngũ trí thức trình độ cao, trí thức là người DTTS bằng hình thức cử đi đào tạo ở nước ngoài. Phấn đấu đến năm 2020 trí thức là người DTTS chiếm 40% trong tổng số trí thức của vùng.

Để phát triển nguồn nhân lực DTTS khu vực Tây Bắc đáp ứng sự nghiệp CNH-HĐH từ nay đến năm 2008 - 2010 cần:

- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống trường lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện của vùng dân tộc;
- Triển khai chương trình, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm nhận thức, điều kiện học tập của học sinh dân tộc;
- Nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng dân tộc đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Tổ chức tốt các hình thức giáo dục nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc;
- Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí, quan tâm đời sống đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí ở vùng dân tộc và miền núi;
- Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo nhu cầu dạy và học. Tăng tỉ lệ ngân sách cho vùng dân tộc;
- Xây dựng và bổ sung chính sách, vận động sâu rộng toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục - đào tạo vùng dân tộc. Mở rộng và nâng cấp hệ thống trường dạy nghề, chuyên

(Xem tiếp trang 53)